

Số: 115 /BC-UBND

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB NGUỒN NSNN NĂM 2019,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2020**

A. Công tác quản lý vốn đầu tư XDCB nguồn NSNN năm 2019

I. Tình hình phân bổ vốn đầu tư năm 2019.

Căn cứ các quyết định giao dự toán của Trung ương, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2019 tỉnh Bắc Ninh. Tổng chi đầu tư công kế hoạch năm 2019 là: 7.544,27 tỷ đồng (gồm 7.414 tỷ đồng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh và 130,27 tỷ đồng nguồn Chương trình mục tiêu hỗ trợ từ ngân sách trung ương).

Thực hiện các văn bản nghị quyết của HĐND, thường trực HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phân bổ vốn đầu tư XDCB từ nguồn Ngân sách nhà nước, tổng số vốn đã phân bổ là **8.574** tỷ đồng. Cụ thể:

1. Tổng số vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2019 là: 8.446 tỷ đồng

1.1. Nguồn ngân sách địa phương theo dự toán đầu năm: 6.909,5 tỷ đồng, cụ thể:

- Đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương: 200 tỷ đồng;
- Kinh phí trả các dự án đã phê duyệt quyết toán: 263,6 tỷ đồng
- Cân đối về cho đơn vị cấp huyện và hỗ trợ hạ tầng nông thôn: 450 tỷ đồng;
- Trả nợ gốc vay: 343,5 tỷ đồng
- Phân bổ trực tiếp cho các dự án: 2.584,5 tỷ đồng gồm:
 - + Nguồn cân đối ngân sách địa phương cho chi đầu tư công: 1.491,5 tỷ đồng;
 - + Nguồn Xổ số kiến thiết: 14 tỷ đồng;
 - + Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi: 545 tỷ đồng;
 - + Nguồn cải cách tiền lương bổ sung cho đầu tư công: 534 tỷ đồng.
- Nguồn thu sử dụng đất cho đầu tư: 3.067,9 tỷ đồng gồm:
 - + Ghi thu – ghi chi tiền đất dự án cấp tỉnh: 1.016,6 tỷ đồng;
 - + Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện, xã phân bổ cho dự án đầu tư: 2.051,3 tỷ đồng

1.2. Bổ sung trong năm 701,1 tỷ đồng

- Nguồn CCTL để GPMB: 10,1 tỷ đồng;
- Nguồn vốn tăng thu và tiết kiệm chi (phân bổ cho một số dự án trụ sở cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh và để GPMB): 193,7 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh khác cho hạ tầng nông thôn và nguồn vốn khác: 477,3 tỷ đồng
- Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh: 20 tỷ đồng.

1.3. Nguồn vốn ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn khác: 835,4 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn ứng trước kế hoạch vốn năm 2020: 30 tỷ đồng

3. Nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương: 98 tỷ đồng:

- Vốn NSTW HTMT: 98 tỷ đồng (Còn 32,3 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương phân bổ để thu hồi ứng trước NSTW cho công trình 1000 năm Thăng Long chưa có Quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Vốn ODA: 0 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019

1. Các dự án sử dụng 100% nguồn vốn NS tỉnh quản lý:

Các dự án ngân sách cấp tỉnh quản lý được phân bổ **3.541,3** tỷ đồng.

Giá trị KLHT các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý trong năm 2019 đạt 2.179,9 tỷ đồng; giải ngân nguồn vốn năm 2019 (đến 31/10/2019) đạt 2.265,1 tỷ đồng, đạt 64%; không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Các dự án có sử dụng nguồn vốn TPCP:

Các dự án được phân bổ 76,1 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách địa phương cho các dự án, hạng mục được phê duyệt quyết toán, giải ngân được 75,7 tỷ đồng, đạt 99,4%. Thiếu so với khối lượng hoàn thành là 95,7 tỷ đồng, thiếu so với TMĐT là 335 tỷ đồng (chủ yếu của dự án Cải tạo, nâng cấp sông Ngũ huyện Khê thuộc hệ thống thủy nông Bắc Đổng). Do chưa được phân bổ 250 tỷ đồng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ còn lại.

3. Các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu của Trung ương:

Các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ mục tiêu theo quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được phân bổ **291,8** tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 98 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng 193,8 tỷ đồng.

Giá trị KLHT đạt 228,7 tỷ đồng, đã giải ngân được 187, 3 tỷ đồng vốn phân bổ kế hoạch năm 2019 (trong đó giải ngân được 74,5 tỷ đồng vốn NSTW), đạt 64,2%, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA:

Chưa có kế hoạch vốn ODA năm 2019. Trên địa bàn tỉnh hiện nay, các dự án sử dụng vốn ODA nằm trong 02 chương trình: Chương trình WB nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và chương trình Dự án tăng cường năng lực

quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Ninh. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc kéo dài thời gian thanh toán vốn ODA năm 2018 sang năm 2019 cho Chương trình nước sạch và VSMTNT. Dự án tăng cường năng lực quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Ninh các đơn vị tư vấn đã lập xong thiết kế dự án theo điều chỉnh kế hoạch tổng thể, chủ đầu tư đang phối hợp với các đơn vị liên quan trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán; đồng thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung vốn cho chương trình Chính phủ đã có quyết định bổ sung 36,7 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ODA giai đoạn 2016-2020 cho 02 chương trình trên.

5. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc cấp huyện quản lý.

- Theo báo cáo của các đơn vị cấp huyện, số vốn kế hoạch 2019 phân bổ cho các công trình cấp huyện quản lý là 1.160 tỷ đồng. Trong đó, nguồn XDCB tập trung giao dự toán chi ngân sách đầu năm là 167,9 (dự toán đầu năm giao 200 tỷ đồng ; tuy nhiên đã phân bổ cho các công trình hạ tầng nông thôn do cấp xã làm chủ đầu tư là 32,1 tỷ đồng), bổ sung trong năm từ ngân sách huyện, nguồn đất và các nguồn vốn khác là: 992 tỷ đồng.

- Giá trị KLHT từ đầu năm là 484,3 tỷ đồng; giải ngân được 603,7 tỷ đồng, đạt 52%. Về tổng thể, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

6. Các công trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn.

- Theo báo cáo của các đơn vị cấp huyện, số vốn đã bố trí cho các dự án hạ tầng nông thôn là 2.512,6 tỷ đồng. Bao gồm: 757,4 tỷ đồng ngân sách tỉnh hỗ trợ; 1.613,5 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất và 141,7 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách huyện, xã và nguồn vốn khác.

Giá trị KLHT từ đầu năm đạt 1.915 tỷ đồng, lũy kế giá trị KLHT đạt khoảng 6.858,8 tỷ đồng, giải ngân vốn đến 31/10/2019 đạt 1.468 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân là 58,43%. Số vốn thiếu so với khối lượng hoàn thành là: 1.83,5 tỷ đồng.

7. Các dự án đầu tư theo hình thức PPP.

Về các dự án PPP: đã được điều chỉnh tại Nghị quyết 206/NQ-HĐND ngày 29/10/2019, theo đó có 82 dự án đầu tư theo hình thức PPP gồm 79 dự án BT, 01 dự án BOT, 02 dự án chưa xác định loại hợp đồng đầu tư; trong đó 35 dự án đã được ký hợp đồng.

III. Tình hình thực hiện công tác đầu tư công năm 2019.

Căn cứ báo cáo của các Sở, Ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo tiến độ triển khai thực hiện công tác đầu tư từ nguồn vốn ngân sách năm 2019 trên một số lĩnh vực như sau:

1. Các dự án trọng điểm và các công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

1.1. Các dự án trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020.

Tiến độ triển khai 6 dự án trọng điểm của Tỉnh trong giai đoạn 2016 – 2020 đạt kết quả tốt, đến hết năm 2019 đã có 2/6 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là Dự án Cung quy hoạch kiến trúc và dự án Nhà hát dân ca quan họ

Bắc Ninh, trong đó Dự án đầu tư xây dựng Nhà hát dân ca quan họ đã tổ chức khánh thành ngày 17/5/2019 chào mừng kỷ niệm 10 năm Quan họ Bắc Ninh được UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

02 dự án dự án Chùa Dạm và dự án Khu đền thờ Lý Thường Kiệt đã cơ bản hoàn thành các hạng mục đầu tư từ ngân sách nhà nước, đang triển khai các hạng mục từ nguồn vốn xã hội hóa. Trong đó, dự án Khu đền thờ Lý Thường Kiệt do khó khăn trong công tác huy động nguồn vốn xã hội hóa đang triển khai thủ tục để chuyển một phần đầu tư sang nguồn vốn ngân sách.

Dự án đầu tư xây dựng Nút giao tây nam TP Bắc Ninh đang triển khai thực hiện theo tiến độ đặt ra, UBND thành phố Bắc Ninh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương tổ chức triển khai thi công đồng bộ các hạng mục của dự án theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt; dự kiến dự án cơ bản hoàn thành trước ngày 31/12/2019 với giá trị ước đạt 175/211,8 tỷ đồng tương đương 83% tổng giá trị các hợp đồng, đảm bảo thông xe kỹ thuật vào cuối Quý I năm 2020 theo kế hoạch của UBND tỉnh.

1.2. Các dự án Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Căn cứ Kết luận của Tỉnh ủy có 21 dự án Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; đến thời điểm hiện tại đã thực hiện phân bổ vốn cho 14 dự án, trong đó đã có 11 dự án khởi công, còn lại 3 dự án dự kiến sẽ khởi công vào cuối năm 2019. Các dự án đã được phân bổ đang triển khai thực hiện cố gắng hoàn thành chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh.

2. Các dự án thuộc lĩnh vực giao thông.

Đối với các dự án do Ban QLDA Sở GTVT làm chủ đầu tư đã chủ động đơn độc các Nhà thầu hoàn thiện các công trình chuyển tiếp để quyết toán theo kế hoạch.

Đối với 32 dự án được phân bổ vốn khởi công mới năm 2019 là 577 tỷ đồng (gồm 7 dự án do Sở GTVT làm chủ đầu tư, 2 dự án Ban Đô thị làm chủ đầu tư và 23 dự án do UBND các huyện thị xã làm chủ đầu tư) đã có 22 dự án khởi công, còn lại các dự án đang tổ chức đấu thầu các gói thầu tư vấn và một số gói thầu xây lắp, UBND các huyện, thị xã, thành phố đang lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng.

3. Các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi.

Các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp thủy lợi đang triển khai thực hiện đẩy nhanh tiến độ thi công để đảm bảo phục vụ chống hạn, chống úng trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên do điều kiện thời tiết, một số dự án vừa thi công vừa phục vụ sản xuất nông nghiệp nên gặp một số vướng mắc. Các dự án nâng cấp, xử lý các đoạn đê, kênh sạt lở được triển khai nhanh chóng, phục vụ công tác phòng chống lụt bão trong giai đoạn tới.

Trong 16 dự án khởi công mới năm 2019 được phân bổ 119,5 tỷ đồng thuộc lĩnh vực đã triển khai thi công được 11 dự án, còn 5 dự án đang tiến hành thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và thực hiện công tác đền bù GPMB và triển khai khởi công vào giai đoạn cuối năm.

4. Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa.

Được sự quan tâm của UBND tỉnh, các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa như các dự án nhà chứa quan họ tại một số xã phường đã được đầu tư xây dựng (đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 5 nhà chứa, đang thi công 3 nhà chứa); các di tích đền, chùa xuống cấp cũng được trùng tu kịp thời; các thiết chế văn hóa cũng được đầu tư và cải tạo sửa chữa đáp ứng nhu cầu của người dân.

Trong 11 dự án thuộc lĩnh vực văn hóa được phân bổ vốn khởi công mới năm 2019 là 100,5 tỷ đồng, cơ bản đã khởi công hết.

5. Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục

Từ đầu năm 2019, UBND tỉnh đã phân bổ 153 tỷ để xây dựng mới và bổ sung 14 hạng mục, công trình thuộc các trường trên địa bàn tỉnh, trong đó có 84 tỷ đồng phân bổ cho 6 dự án khởi công mới trong năm 2019.

6. Cải tạo sửa chữa trụ sở.

Trong 18 dự án cải tạo sửa chữa trụ sở Khởi công mới năm 2019 được phân bổ 88,5 tỷ đồng.

7. Công tác đấu thầu.

Đã triển khai trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu của 1.141 gói thầu với giá trị: 4.800 tỷ đồng, trong đó: có 210 gói thầu xây lắp được lựa chọn theo hình thức đấu thầu rộng rãi với giá trị 3.802 tỷ đồng.

Công tác đấu thầu qua mạng các dự án do cấp tỉnh quản lý đã đảm bảo tỷ lệ quy định có 189/330 gói thầu (xây lắp, tư vấn) tổ chức đấu thầu qua mạng, đạt khoảng 57% về số lượng gói thầu, đạt 28% về tổng giá trị gói thầu. Theo báo cáo kết quả đấu thầu tháng 10 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bắc Ninh xếp thứ 5 về số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng, xếp thứ 2 về giá trị gói thầu đấu thầu qua mạng.

8. Đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư công năm 2019.

8.1. Kết quả đạt được.

- Căn cứ các Quyết định của Chính phủ và Bộ, Ngành; các Nghị quyết của HĐND, UBND tỉnh đã hoàn thành công tác phân bổ dự toán chi đầu tư kế hoạch năm 2019, trong đó ưu tiên trả nợ các công trình quyết toán và đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án chuyển tiếp, các công trình trọng điểm; đối ứng các dự án sử dụng ngân sách trung ương; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn

- Trong 93 dự án được phân bổ vốn để triển khai mới trong năm 2019 đã cơ bản khởi công có khối lượng nghiệm thu, còn một số dự án sẽ khởi công trong các tháng cuối năm.

- Các Sở chuyên ngành về quản lý đầu tư xây dựng đã chủ động ban hành, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị chủ đầu tư về thực hiện các bước của đầu tư xây dựng, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc triển khai trong việc xây dựng mạng cấp nước máy sạch cho các xã, giải quyết khó khăn trong xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung tại các huyện.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành thực hiện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; phê duyệt trên 200 chủ trương đầu tư, dự án với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 20.000 tỷ đồng để đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công đối với các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

- Tỉnh đã cơ bản hoàn thành nông thôn mới với 96/97 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, 7/8 đơn vị cấp huyện hoàn thành nông thôn mới.

- Công tác đấu thầu qua mạng các dự án do cấp tỉnh quản lý đã đảm bảo tỷ lệ theo Chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, đạt khoảng 57% về số lượng gói thầu, đạt 27% về tổng giá trị gói thầu. Theo báo cáo kết quả đấu thầu tháng 10 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bắc Ninh xếp thứ 5 về số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng, xếp thứ 2 về giá trị gói thầu đấu thầu qua mạng.

8.2. Một số tồn tại, hạn chế.

- Một số dự án khởi công mới tiến độ triển khai chậm, đặc biệt là các dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm, do trình tự thủ tục quy định kéo dài.

- Nhiều dự án vướng mắc trong công tác đền bù GPMB do ý thức một số hộ dân chưa cao, chính sách về đền bù còn nhiều bất cập dẫn đến dự án không có mặt bằng để thi công, chậm tiến độ triển khai thực hiện.

- Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công các dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh thấp, đến hết tháng 11 đạt 70%; đặc biệt một số dự án có nguồn vốn kéo dài từ năm 2018 sang kế hoạch năm 2019 nhưng vẫn chưa thực hiện giải ngân. Một số dự án có số dư ứng trước lớn qua các năm nhưng chưa thực hiện hoàn ứng.

- Dự án ODA Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn còn một số vướng mắc trong việc giao kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh đã có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP vẫn gặp khó khăn trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (cụ thể là Nghị định số 63/2018/NĐ-CP; Nghị định số 30/2015/NĐ-CP và quy định của Luật Đất đai).

- Tỷ lệ đấu thầu qua mạng các dự án do cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chưa đảm bảo tỷ lệ đạt khoảng 49% về số lượng gói thầu, đạt khoảng 45% về giá trị gói thầu.

B. Dự kiến kế hoạch năm 2020.

Căn cứ văn bản số 8472/BKHĐT – TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020.

I. Dự kiến tổng chi đầu tư

1. Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 5.559,6 tỷ đồng

1.1. Nguồn vốn phân bổ cho các dự án.

- Chi Đầu tư XD CB tập trung: 2.343,6 tỷ đồng (2019 là 2.800 tỷ đồng)
- Chi từ nguồn xổ số kiến thiết: 16 tỷ đồng (2019 là 14 tỷ đồng).

1.2. Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.200 tỷ đồng (2019 là 2.700 tỷ đồng)

Giảm số vốn chi đầu tư giao đầu năm so với năm 2019 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 2.000 tỷ đồng bao gồm:

- + Nguồn chi đầu tư XD CB tập trung giảm: 456,4 tỷ đồng;
- + Không có nguồn tăng thu tiết kiệm chi 545 tỷ;
- + Không có nguồn Cải cách tiền lương bổ sung chi đầu tư 1.000 tỷ đồng.

2. Chi từ nguồn bổ sung từ ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu.

Ngân sách trung ương dự kiến hỗ trợ: 371,9 tỷ đồng, theo báo cáo số 483/BC – CP ngày 01/10/2019 của Chính phủ trình Quốc hội, phương án hỗ trợ như sau:

2.1. Trái phiếu chính phủ: 250 tỷ đồng phân bổ cho dự án Cải tạo sông Ngũ Huyện Khê thuộc hệ thống thủy nông Bắc Đuống;

2.2. Dự phòng Ngân sách trung ương phân bổ 20 tỷ đồng hỗ trợ dự án Cầu Phật Tích – Đại Đồng Thành.

2.3. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu: 101,9 tỷ đồng.

- Tuy nhiên còn 77,297 tỷ đồng chưa hoàn ứng bao gồm:

- + 32,297 tỷ đồng các dự án 1.000 năm Thăng Long;
- + 45 tỷ đồng dự án Nâng cấp tuyến đê Hữu Đuống.

- Như vậy, Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu Ngân sách trung ương thiếu so với Kế hoạch trung hạn mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao trong trung hạn là 200,536 tỷ đồng.

3. Về bội thu ngân sách địa phương:

Theo dự kiến của Chính phủ thì Bội thu 2020 của tỉnh Bắc Ninh là 186,4 tỷ đồng dùng 100% để trả nợ gốc; được phân bổ số vốn vay là 41 tỷ đồng.

II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn năm 2020

Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách năm 2020 phải bảo đảm thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, phù hợp với hệ thống quy hoạch quốc gia; phù hợp với Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 với việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 và đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

b) Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, và các văn bản hướng dẫn liên quan, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

c) Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo đúng Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

d) Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn năm 2020 phải bảo đảm:

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2020 cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2020. Mức vốn kế hoạch năm 2020 của từng dự án không được vượt quá số vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 – 2020 đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch còn lại của từng dự án sau khi trừ số vốn đã bố trí trong kế hoạch các năm 2016, 2017, 2018 và 2019.

- Việc phân bổ vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên và thứ tự ưu tiên như sau:

+ Ưu tiên chi trả, thanh toán nợ xây dựng cơ bản;

+ Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng đã ứng trước nhưng chưa thu hồi;

+ Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

+ Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và đối ứng các dự án sử dụng ngân sách trung ương;

+ Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, bảo đảm bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ;

+ Dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định số: 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015, 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015, 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 và 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

III. Dự kiến phương án phân bổ tổng thể.

1. Ngân sách địa phương.

1.1. Vốn chuẩn bị đầu tư: 10 tỷ;

1.2. Vốn đối ứng các dự án sử dụng ngân sách trung ương: 80 tỷ đồng,

1.3. Chi trả các công trình đã phê duyệt quyết toán: 200 tỷ đồng.

1.4. Cân đối chi đầu tư XDCB ngân sách cấp huyện theo tiêu chí tính điểm tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND: 200 tỷ đồng,

1.5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn: 180 tỷ đồng,

1.6. Hoàn ứng nguồn Cải cách tiền lương: 30 tỷ đồng;

1.7. Bố trí vốn cho công tác Quy hoạch: 10 tỷ đồng.

1.8. Bố trí trả nợ gốc các khoản vay đến hạn: 21 tỷ đồng.

1.9. Còn lại dự kiến phân bổ cho các dự án do ngân sách tỉnh quản lý: 1.628,6 tỷ đồng (Nguồn vốn Xổ số kiến thiết 16 tỷ đồng), cụ thể:

+ Các dự án chuyển tiếp là 1.078,6 tỷ đồng; (trong đó dự kiến phân bổ các công trình trọng điểm: 95 tỷ đồng);

+ Các dự án khởi công mới: 550 tỷ đồng.

2. Nguồn Chương trình mục tiêu hỗ trợ từ NSTW: 101,9 tỷ đồng (Trong đó phải hoàn ứng 18,393 tỷ đồng).

3. Nguồn vốn Trái phiếu chính phủ: 250 tỷ đồng (cho dự án Cải tạo sông Ngũ Huyện Khê).

4. Nguồn vốn hỗ trợ từ dự phòng chung: 20 tỷ đồng (Cho dự án đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích – Đại Đồng Thành).

(Dự kiến phương án phân bổ theo biểu chi tiết đính kèm)

C. Phương hướng và một số kiến nghị trong quản lý vốn đầu tư XDCB các tháng cuối năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

I. Phương hướng trong thời gian sắp tới.

1. Đối với cuối năm 2019.

- Các đơn vị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2019.

- Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công công trình; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố sớm giải quyết các khó khăn trong công tác GPMB; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, thực hiện hoàn ứng để giảm số dư ứng, không để dồn thanh toán vào cuối năm và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát quá trình thực hiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước đối với lĩnh vực, địa bàn được phân công, phân cấp quản lý (từ khâu chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện cho đến kết thúc dự án đưa vào khai thác, sử dụng).

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 94/NQ – CP ngày 29/10/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và thông báo kết luận số 130 ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về đánh giá kết quả thu chi 10 tháng đầu năm, nhiệm vụ 2 tháng cuối năm 2019.

2. Đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2020.

2.1. Bám sát các mục tiêu đặt ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư phát triển năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh, và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính liên quan tới công tác tăng cường quản lý đầu tư vốn Ngân sách Nhà nước, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

2.2. Hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Luật Đầu tư công mới và các văn bản, Nghị định hướng dẫn.

2.3. Năm 2020, tập trung phân bổ vốn để hoàn thành các dự án đang chuyển tiếp, đặc biệt là các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh để hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng các dự án đã triển khai, (có 21 dự án trong danh mục Chào mừng Đại hội Đảng, trong đó đã phân bổ vốn 246 tỷ đồng triển khai 14 dự án); chuẩn bị thủ tục, các điều kiện để khởi công một số dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh.

2.4. Các đơn vị tập trung rà soát đề đánh giá kết quả kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 của đơn vị mình. Sau khi có hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai các bước tiếp theo.

2.5. Đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP:

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành; đặc biệt đối với các nội dung quy hoạch, tổng mức đầu tư và quỹ đất đối ứng hoàn trả vốn đầu tư dự án BT;


- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về triển khai thực hiện theo Quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và Nghị định 69/2019/NĐ-CP đối với các dự án PPP nói chung và dự án BT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

II. Một số nội dung trình HĐND tỉnh.

1. Thông qua phương án phân bổ nguồn vốn chi đầu tư từ nguồn ngân sách kế hoạch năm 2020.

2. Đồng ý UBND tỉnh có văn bản báo Chính phủ, Bộ Tài chính cho phép nâng tổng dư nợ vốn vay đối với tỉnh Bắc Ninh trong năm 2020 theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Đồng ý UBND tỉnh có văn bản báo Chính phủ, Quốc hội cho phép bổ sung chi đầu tư trong năm 2020 từ nguồn cải cách tiền lương sau khi đảm bảo các nhiệm vụ tăng lương theo lộ trình.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./ 

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở KH&ĐT; Tài chính;
- Lưu: VT, KTTH, PVP.KTTH, CVP.



Nguyễn Tiến Như

BIỂU A - TỔNG HỢP
 TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán đầu năm	Giá trị KLIHT đến hết 31/12/2018	Giá trị KLIHT từ 01/01/2019 đến 31/10/2019	Tổng giá trị KLIHT đến 31/10/2019	Tổng số vốn phân bổ hết kế hoạch năm 2018	Số vốn đã phân bổ hết kế hoạch năm 2018	Trong đó: Số vốn phân bổ KH năm 2019						Giải ngân KH vốn năm		Tỷ lệ giải ngân số vốn phân bổ trong năm 2019	Số vốn còn thiếu so với giá trị KLIHT đến 31/10/2019	Số vốn còn thiếu so với TMDT đến 31/10/2019
									Tổng số	Trong đó: NSTW, hỗ trợ khác	Ngân sách cấp tỉnh	Nguồn đất	NS huyện, xã, vốn khác	Tổng số	Trong đó: NSTW, hỗ trợ khác				
	TỔNG SỐ		64.819.276	16.368.234	4.579.094	20.947.338	22.707.942	15.494.074	8.573.986	97.973	4.575.735	3.067.875	835.404	5.696.946	74.478		(1124.012)	40.637.361	
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CÁC DỰ ÁN		64.819.276	16.368.234	4.579.094	20.947.338	22.707.942	15.494.074	7.213.868	97.973	4.232.235	2.051.257	835.404	4.336.828	74.478	60,17%	(1124.012)	40.637.361	
1	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh quản lý		45.830.541	9.393.457	2.179.886	11.573.343	13.086.863	9.545.592	3.541.272	97.973	3.306.973	30.000	109.326	2.265.123	74.478	63,96%	(1.513.521)	32.743.678	
1	Vốn XDCH tập trung	508	39.896.100	5.487.075	1.943.036	7.430.111	8.904.668	5.731.322	3.173.346	-	3.037.020	30.000	106.326	2.002.116	-	63,09%	(1.474.558)	30.991.431	
a	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	56	2.118.803	1.567.702	133.178	1.700.880	1.718.212	1.484.159	234.053	-	231.053	-	3.000	209.054	-	89,32%	(17.332)	400.591	
b	Dự án trong điểm	9	3.790.653	806.868	505.981	1.312.848	1.468.534	1.010.631	457.903	-	437.903	20.000	-	332.899	-	72,70%	(155.686)	2.322.119	
c	Dự án chuyển tiếp	125	7.391.375	2.906.163	866.944	3.773.107	4.304.808	3.145.096	1.159.712	-	1.047.386	10.000	102.326	684.706	-	59,04%	(331.701)	3.086.567	
d	Dự án khởi công mới chưa mang đất đai	11	1.163.891	32.808	44.987	77.796	288.543	2.000	286.543	-	286.543	-	-	144.438	-	50,41%	(210.747)	875.348	
e	Dự án khởi công mới	82	4.349.283	173.055	391.946	565.000	1.054.571	89.437	965.134	-	964.134	-	1.000	631.020	-	65,38%	(489.571)	3.294.711	
g	Dự án chưa khởi công	2	556.179	479	-	479	70.000	-	70.000	-	70.000	-	-	-	-		(69.521)	486.179	
h	Dự án phê duyệt chưa phân bổ vốn	223	20.525.916															20.525.916	
2	Vốn Trái phiếu Chính phủ		3.126.934	2.859.399	8.126	2.867.525	2.771.787	2.695.641	76.146	-	76.146	-	-	75.698	-	99,41%	95.738	355.147	
3	Vốn NSTW HTMT		2.807.507	1.046.983	228.724	1.275.707	1.410.408	1.118.629	291.779	97.973	190.806		3.000	187.308	74.478	64,20%	(134.701)	1.397.100	
4	Vốn ODA																		
II	Nguồn vốn ngân sách cấp huyện		5.861.436	2.030.950	484.257	2.515.207	3.209.178	2.049.230	1.159.948		167.864	407.708	584.376	603.676		52,04%	(693.971)	2.652.248	
III	Nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn		13.127.310	4.943.827	1.914.951	6.858.778	6.411.901	3.899.252	2.512.649		757.398	1.613.549	141.702	1.468.029		58,43%	1.083.479	5.241.436	
C	Tư ng gốc vay								343.500		343.500			343.500		100,00%			
B	NGUỒN TIỀN THU SỬ DỤNG BẮT CẤP TỈNH								1.016.618					1.016.618		100,00%			

PHỤ LỤC
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 115/BC - UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Nguồn cân đối ngân sách địa phương cho chi đầu tư	Nguồn Xổ số kiến thiết	Dự kiến nguồn tiền thu sử dụng đất	Ghi chú:
1	Vốn chuẩn bị đầu tư	5.559.600	2.343.600	16.000	3.200.000	
2	Đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương	80.000	80.000			
3	Kinh phí trả các dự án đã phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh quản lý)	200.000	200.000			
4	Cân đối về cho các đơn vị cấp huyện quản lý theo tiêu chí tỉnh điểm	200.000	200.000			
5	Hỗ trợ hạ tầng nông thôn các huyện, tx, tp	180.000	180.000			
7	Hoàn ứng nguồn CCTL	30.000	30.000			
8	Trả nợ gốc vay các khoản vay đến hạn	21.000	21.000			
9	Bổ trí vốn cho quy hoạch theo Luật Quy hoạch	10.000	10.000			
10	Còn lại thực hiện phân bổ trực tiếp đầu tư cho các dự án do tỉnh quản lý	1.628.600	1.612.600	16.000		
10.1	Các dự án chuyển tiếp	1.078.600	1.062.600	16.000		
a	Trong đó các công trình trọng điểm:	95.000	95.000	-		
	Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành	50.000	50.000	-		
	Nút giao phía Tây nam thành phố (gđ1, gđ2)	25.000	25.000	-		
	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN - Phần vốn ngân sách tỉnh	10.000	10.000	-		
	Đền thờ Lý Thường Kiệt	10.000	10.000			
b	Còn lại thực hiện phân bổ cho các dự án chuyển tiếp khác	983.600	967.600	16.000		
c	Dự kiến nguồn vốn vay					
10.2	Các dự án khởi công mới 2020	550.000	550.000			
11	Phân bổ nguồn tiền thu sử dụng đất	3.200.000			3.200.000	

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 2020 - CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP
(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 115/BC - UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Số.../QĐ... ngày tháng năm	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt quyết toán	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
											17	18	
1													
	2												
	TỔNG SỐ												
	Ban dân dụng và công nghiệp												
1	Nhà học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THPT Nguyễn Văn Cừ	TS	Ban Dân dụng và công nghiệp	1339/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	592.988	108.200	8.287	134.000	6.000	77.000	350.788	21.865	
2	Trường THCS Hàn Thuyên - huyện Lương Tài	LT	Ban Dân dụng và công nghiệp	1567/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.430	31.000		30.000	30.000	20.000	74.430		
3	Trường THCS Lê Văn Thịnh - huyện Gia Bình	GB	Ban Dân dụng và công nghiệp	1568/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.568	20.600		34.000	34.000	20.000	80.968		
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Trường Trung cấp Y tế Bắc Ninh thành Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh	Tinh	Ban Dân dụng và công nghiệp	1475/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	82.235	45.000	8.287	14.000	14.000		23.235		
5	Nhà học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THPT Nguyễn Đăng Đạo	TD	Ban Dân dụng và công nghiệp	1190/QĐ-UBND ngày 1/9/2017	39.389	600		10.000	10.000	8.000	28.789		
6	Nhà học bộ môn và các hạng mục phụ trợ, trường THPT Quê Võ số 1	QV	Ban Dân dụng và công nghiệp	1338/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	34.845	400		8.000	8.000	8.000	26.445		
7	Khoa truyền nhiễm bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Tinh	Ban Dân dụng và công nghiệp	1889/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	24.126			8.000	8.000	5.000	16.126		
8	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện đa khoa thị xã Từ Sơn thuộc Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn	TS	Ban Dân dụng và công nghiệp	1947/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	24.930			8.000	8.000	5.000	16.930		
9	Cải tạo Nhà A1, A2 Bệnh viện đa khoa tỉnh BN	Tinh	Ban Dân dụng và công nghiệp	1927/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	78.000			16.000	16.000	5.000	62.000		
	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT												
10	Xử lý sạt lở và củng cố bờ kênh N6 thuộc kênh Nam Trịnh Xã, huyện Tiên Du (đoạn K0-K3+300)	TD	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	373/QĐ-SKHĐT.DTG ngày 15/11/2018	14.488	5.000		-	-	4.000	9.488		
11	Dự án Cải tạo, nạo vét kênh tiêu T11 và kênh bậc KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn	TD	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1371/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.690	10.000		-	-	5.000	17.690		
12	Xây dựng công và cầu trên kênh nối giữa trạm bơm Kim Đồi 1 và trạm bơm Kim Đồi 2	TP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1610/QĐ - UBND, ngày 06/11/2017	64.864	32.800		15.000	15.000	5.000	17.064		
13	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương (giai đoạn 3)	TD	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	421/QĐ - KH.KTN, ngày 31/10/2018	7.612			3.000	3.000	2.600	4.612		
14	Dự án củng cố phần cuối kênh V8 và mở rộng kênh tiêu V4, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	YP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1556/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	79.806	17.000		25.000	25.000	7.000	37.806		
15	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ao Quan, kênh Công Đá TX Từ Sơn	TS	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1555/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.988	10.000		10.000	10.000	4.000	9.988		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bỏ tri và ứng trước đến hết năm 2018		Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../ QĐ... ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019			Thiếu so với TMDT		
16	Trạm bơm tưới Vạn Ninh, huyện Gia Bình	GB	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1838/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	90.239			25.000	20.000	65.239	Dự án chào mừng đại hội Đảng	
17	Dự án Kè Đông Xuyên đoạn từ K32+906 - K35+283 đê Hữu Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	YP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1836/QĐ-UBND ngày 20/10/2018	58.995			15.000	8.000	43.995		
18	Xây dựng tuyến kênh mới từ công Nội Lạc Nhuệ đến bê hút trạm bơm Vạn An	TP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	50.000			14.000	8.000	36.000		
	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị				971.410	176.246	-	150.349	111.000	644.814		
19	Khu nhà ở sinh viên TP Bắc Ninh - hạng mục thang máy	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	185/QĐ-UBND ngày 04/3/2012 Quyết định điều chỉnh số	13.000	-		4.000	5.000	9.000	Thiết bị cần thanh toán theo gói	
20	Đường Kinh Dương Vương (qua tòa nhà Điện lực)	TP	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1026/QĐ-UBND ngày 30/9/2014	83.405	49.928		-	5.000	33.477		
21	Đường Nguyễn Quyền 1, thành phố Bắc Ninh	TP	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1419/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	66.677	42.065		4.049	4.000	20.563		
22	Đầu tư xây dựng đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp xã Hòa Long, tp Bắc Ninh)	TP	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	52.299		30.000	14.000	234.206		
23	Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	84.787	18.145		10.000	8.000	56.642		
24	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	GB	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1910/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.483	-		30.000	20.000	118.483	Dự án chào mừng đại hội Đảng	
25	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018 (PDDA)	26.390	-		9.000	6.000	17.390		
26	Đầu tư xây dựng công viên, hồ nước khu Thủy tổ quan họ Bắc Ninh, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	TP	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1913/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	53.407	13.309		10.000	8.000	30.098		
27	Tuyến đường nối đường Hàn Thuyên và đường Đầu Mã, thành phố Bắc Ninh	TP	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1912/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	36.042	-		11.500	8.000	24.542		
28	Công trình lưới điện dân sinh khu phố Trịnh Thập, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn	TS	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	Phê duyệt dự án số 1522/QĐ-UBND, ngày 04/9/2018	20.130	-		10.000	4.000	10.130		
29	Cải tạo sửa chữa thư viện tỉnh	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1914/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	17.000	-		5.000	4.000	12.000		
30	Cải tạo, sửa chữa trụ sở liên cơ quan Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh, Viện nghiên cứu kinh tế xã hội, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	413/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	4.905	-		2.300	2.000	2.605		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../ QĐ., ngày tháng năm	Tổng số						Tổng số	Thiếu so với TMDT	
31	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà ở sinh viên, thành phố Bắc Ninh	thị	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	421/QĐ - KHDT, ngày 30/10/2019	13.271				4.500	3.000	8.771		
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ Sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Tỉnh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	500			20.000	20.000	66.908		Dự án chào mừng đại hội Đảng
	Bảo BN				23.000				10.000	5.000	13.000		
33	Đầu tư xây dựng xưởng in báo Bắc Ninh	Tỉnh	Báo Bắc Ninh	1554/QĐ - UBND, ngày 30/10/2017	23.000				10.000	5.000	13.000		
	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh				354.622				48.000	-	59.415		
34	Công trình dương hàn Sơ chi huy thống nhất tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	1736/QĐ-UBND, 31/12/2015	102.719	61.000			20.000		21.719		
35	Xây dựng mới doanh trại cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	1285/QĐ-BQP ngày 05/4/2016	251.903	186.207			28.000		37.696		
	Chi cục Kiểm lâm				58.275	19.200			10.000	5.000	29.075		
36	Chương trình đầu tư, cải tạo nâng cấp rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh theo mô hình phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020	Tỉnh	Chi cục Kiểm lâm	213/QĐ-UBND ngày 26/02/16	58.275	19.200			10.000	5.000	29.075		
	Chi cục Thủy lợi				269.020	27.000			39.000	31.000	203.020		
37	Xử lý sắt từ bở, bãi sông Đuống tương ứng từ K37+200 ÷ K38+200 đê hữu Đuống, xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình	GB	Chi cục Thủy lợi	1994/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.670	12.000	11.577		-	5.000	23.670		
38	Dự án xử lý các vị trí chèn đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Chi cục Thủy lợi	1557/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	179.996	15.000			20.000	10.000	144.996		
39	Nạo vét kênh, kè gia cố mái kênh tiêu chính trạm bơm Ngoc Quan huyện Lương Tài	LT	Chi cục thủy lợi	375/QĐ-KTN ngày 30.10.2018	14.240				5.000	5.000	9.240		
40	Kè gia cố mái kênh bờ giữa hai kênh ba bờ thuộc trục tiêu sông Bùi ra trạm bơm Nghĩa đạo, huyện Thuận Thành	TT	Chi cục thủy lợi	378/QĐ-KTN ngày 30.10.2018	9.504				4.000	3.000	5.504		
41	Cải tạo, nâng cấp kênh xả tiêu 6 xã, thị xã Từ Sơn và huyện Tiên Du	TTD	Chi cục thủy lợi	377/QĐ-KTN ngày 30.10.2018	14.657				5.000	4.000	9.657		
42	Các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp huyện Quế Võ năm 2019	QV	Chi cục thủy lợi	381/QĐ-KTN ngày 30.10.2018	14.954				5.000	4.000	9.954		
	Công an tỉnh				38.578	-			17.000	7.000	21.578		
43	Trụ sở làm việc Công an phường Văn Dương T.p Bắc Ninh	TP	Công an tỉnh		8.578				5.000	2.000	3.578		
44	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Hàng mực Sơn nển, công trường rào (ngân sách tỉnh đảm bảo)	TP	Công an tỉnh		30.000				12.000	5.000	18.000		
	Cty Bắc Đuống				535.380	157.659			75.000	39.000	302.721		
45	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Trì phương	TP	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1504/QĐ-UBND, 07/12/2015	77.394	24.943			15.000	5.000	37.451		
46	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1, huyện Tiên Du	TD	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1462/QĐ-UBND, 31/10/2016	64.051	30.627			10.000	5.000	23.425		
47	Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc thuộc khu tiêu Phả Lại huyện Quế Võ (Giai đoạn 2)	QV	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1354/QĐ-UBND, 27/10/2016	48.142	25.000			4.000	5.000	19.142		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018		Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số: .../ QĐ... ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Thiếu so với TMDT						
48	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	TP	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	77.090	-	28.000	10.000	174.862			
49	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong dòng)	YP	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1959/QĐ- UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	34.390			10.000	7.000	24.390			
50	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong dòng)	QV	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1958/QĐ- UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	31.451			8.000	7.000	23.451			
51	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Tỉnh	Đài PTTHBN	293/QĐ- UBND(16/3/2016)	89.447	33.000	-	10.000	10.000	46.447			
52	Cải tạo, nâng cấp Cung văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	414/QĐ- KHĐT, ngày 31/10/2018	7.270	-	-	2.500	2.000	4.770			
53	Công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Hội Người cao tuổi tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh Bắc Ninh	QĐ số 385/QĐ-SKHĐT.ĐTĐ ngày 30/10/2018 của Sở KH&ĐT	11.000	-	-	3.000	5.000	8.000			
54	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	361/QĐ - UBND, ngày 05/7/2019 (QĐ Giao Chủ đầu tư)	51.750	-	-	5.000	10.000	46.750			
55	Cắm mốc tuyến đường dây và trạm biến áp 110 kV trở lên theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	Tỉnh	Sở Công thương	803/QĐ-UBND ngày 23/6/17	25.986	7.000	-	10.000	-	8.986			
56	Cải tạo Nhà lớp học khu A Trung tâm GDTX tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Sở Giáo dục đào tạo	395/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	14.921	300	-	5.000	6.000	19.595			
57	Cải tạo Nhà đa năng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tỉnh BN	Tỉnh	Sở Giáo dục đào tạo	412/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	14.974			5.000	3.000	9.974			
58	Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (Cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh)	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	691/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	1.926.969	331.000	-	280.000	50.000	1.315.969			
59	Đường dẫn phía Bắc cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành	TD	Ban QLDA Giao thông	954/QĐ ngày 9/8/2016	214.046	115.000		35.000	8.000	64.046			
60	Đường dẫn phía Nam cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành	TT	Ban QLDA Giao thông	945/QĐ - UBND, ngày 8/8/2016	174.859	100.000		13.792	5.000	61.067			
61	ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL 283 Dầu - Ngũ Thái (lý trình Km13+767 - Km18+450), huyện Thuận Thành	TT	Ban QLDA Giao thông	373/QĐ ngày 02/3/2012 850/QĐ - UBND, ngày 06/06/2018	123.282	67.101		20.100	5.000	36.081			

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../QĐ... ngày tháng năm	Lũy kế vốn đã bỏ tri và ứng trước đến hết năm 2018						Tổng số với TMDT		
62	Nút giao QL18- KCN YP	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	1425/QĐ ngày 24/11/2015	244.447	127.252			25.000	10.000	92.195		
63	ĐT 279 Nội Dơi - Phố Mới	QV	Ban QLDA Giao thông	806/QĐ ngày 29/7/2015	169.497	73.060			10.000		86.437		
64	ĐT 287 đoạn nối từ QL18 đến đầu cầu Yên Dũng địa phận huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	QV	Ban QLDA Giao thông	1579/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	79.831	25.000			30.000		24.831		
65	Cầu vượt dân sinh số 2, Khu công nghiệp Quế Võ tại lý trình Km6+800 trên QL.18 thuộc địa phận huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	QV	Ban QLDA Giao thông	1152/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	25.907	10.000			6.000		9.907		
66	Cải tạo, nâng cấp đường TL.286, đoạn Đông Yên - Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km7 + 569,04-Km12+230) - giai đoạn 1	YP	Ban QLDA Giao thông	QĐ phê duyệt dự án 321/QĐ-UBND, ngày 21/3/2018	258.354	-			30.000	16.000	228.354		
67	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lăng Ngắm - Thị trấn Thủa, huyện Gia Bình - Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	1840/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 (PDDA)	313.632	-			28.500	16.000	285.132		
68	Đường TL.276 mới, đoạn từ nút giao với đường Nội Duyệt - Trì Phương đến đường dẫn phía Bắc cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành, huyện Tiên Du	TD	Ban QLDA Giao thông	1887/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	151.277	-			20.000	12.000	131.277		
69	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.278 đoạn QL18 lên đê sông Cầu, huyện Quế Võ	QV	Ban QLDA Giao thông	1929/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	232.484	-			25.000	15.000	207.484		
70	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	TD	Ban QLDA Giao thông	1930/QĐ -UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	110.941	-			23.000	12.000	87.941		
71	Đầu tư xây dựng cải tạo TL.287 đoạn từ QL38 đến QL18	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	1915/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	377.651	-			66.326	16.000	311.325		
72	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp cầu Bò Som, nút giao giữa QL.38 với QL.1A, thành phố Bắc Ninh	TP	Ban QLDA Giao thông	1966/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	127.824				30.000		97.824		Chuyển vốn 2019 30 tỷ
73	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới (đoạn nối QL.17 với QL.38) giai đoạn 1, 2	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	1928/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018	428.355				40.000		388.355		
74	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến Khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	QV	Ban QLDA Giao thông	1988/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	39.027	-			12.000	7.000	27.027		
	Số LĐT&XH				36.363	-			12.500	11.000	23.863		
75	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Số LĐT&XH	QB PDDA 379/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.072				2.500	3.000	4.572		
76	Cải tạo, sửa chữa Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Số LĐT&XH	411/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2018 (PDDA)	14.501				5.000	4.000	9.501		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018		Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn con thiếu		Ghi chú
				Số.../ QĐ..., ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019			Tổng số	Thiếu so với TMDT	
77	Cải tạo Trung tâm dạy nghề, phục hồi chức năng cho người tàn tật - Số LĐTBXH	Tỉnh	Số LĐTB&XH	397/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	14.791	5.000	4.000	9.791				
78	Sở TNMT Dự án xây dựng Trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng TNMT huyện Lương Tài	LT	Sở Tài nguyên và Môi trường	1524/QĐ - UBND, ngày 27/10/2017	27.706	8.000	8.000	27.489				
79	Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thuận Thành	TT	Sở Tài nguyên và Môi trường	416/QĐ.KTN ngày 31/10/2018	14.826	7.000	4.000	7.826				
80	Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gia Bình	GB	Sở Tài nguyên và Môi trường	417/QĐ.KTN ngày 31/10/2018	14.957	7.000	4.000	7.957				
81	Sở VHHTDL Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Tỉnh	Sở VHHTDL	1470/QĐ-UBND; 30/11/2015; 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	588.958	62.837	49.000	461.819				
82	Trung tâm bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ, huyện Thuận Thành	TT	Sở VHHTDL	1162/QĐ-UBND; 03/11/2014	91.032	20.000	9.000	62.566				
83	Trung tâm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa môn nghệ thuật dân gian truyền thống Múa rối nước làng Dồng Ngự xã Ngũ Thái huyện Thuận Thành	TT	Sở VHHTDL	403/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2018	13.025	4.500	5.000	8.525				
84	Đầu tư xây dựng nhà chứa quan họ phường Võ Cường, TP Bắc Ninh	TP	Sở VHHTDL	407/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	7.722	3.000	2.000	4.722				
85	Đầu tư xây dựng nhà chứa quan họ xã Hiền Văn, huyện Tiên Du	TD	Sở VHHTDL	406/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	8.048	3.000	2.000	5.048				
86	Đầu tư xây dựng nhà chứa quan họ phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh	TP	Sở VHHTDL	408/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	8.015	3.500	2.000	4.515				
87	Mở rộng đền thờ Lê Văn Thịnh, hạng mục đền Thượng, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình	GB	Sở VHHTDL	405/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2018	14.750	5.000	4.000	9.750				
88	Tu bổ di tích đình Trang Liệt, phường Trang Hạ, TX Từ Sơn	TS	Sở VHHTDL	1957/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	22.971	7.000	7.000	15.971				1 tỷ vốn NSTW
89	Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh	TP	Sở VHHTDL	402/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	7.973	3.000	3.000	4.973				
90	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tỉnh	Sở VHHTDL	1566/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	19.320	7.000	3.000	7.320				
91	Cải tạo nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Sở VHHTDL	413/QĐ - KHĐT ngày 31/10/2018	13.250	7.301	2.000	5.949				
92	Sở VHHTDL Dự án ĐTXD trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng - Chi cục giám định xây dựng	Tỉnh	Trung tâm kiểm định	1920/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	70.963	20.000	22.000	50.963				
93	Sở VHHTDL Nâng công suất nhà máy nước mặt xã Tri Phương giai đoạn 3	TD	Trung tâm NS&VSMNT	1995/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	24.035	8.000	5.000	16.035				

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số trước đến hết năm 2018	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../QĐ... ngày tháng năm	Tổng số						Tổng số	Thiếu so với TMDT	
	Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ					14.000	300	-	5.000	3.000	8.700		
94	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà ăn Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ	Tỉnh	Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ	396/QĐ - KHDT ngày 31/10/2018	14.000	300	165.664	-	5.000	3.000	8.700		
	UBND huyện Gia Bình				679.011				135.127	60.000	378.220		
95	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kênh Bắc, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	558/QĐ-UBND ngày 11/5/17	55.209	25.000			10.000		20.209		
96	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL.285 cũ (đoạn từ Phương Triện xã Đại Lai đi Nhân Hữu, xã Nhân Thành) huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1561/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	126.809	35.936			25.000	10.000	65.873		
97	Trụ sở Đảng ủy, UBND, UBND xã Đại Lai, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1562/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.269	12.000			12.000		10.269		
98	Trường mầm non Hoàng Đăng Miện huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1945/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018 (PDDA)	49.843	-			12.000	10.000	37.843		
99	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1943/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018 (PDDA)	159.997	22.204			31.500	10.000	106.293		
100	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1944/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	29.651	-			14.627	7.000	15.024		
101	Đầu tư xây dựng Đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	325/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018	153.308	50.524			30.000	13.000	72.784		
102	Xây dựng hạ tầng sản xuất nông nghiệp đất bãi ven sông (giai đoạn 2)	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1982/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.925	20.000			-	10.000	49.925		
	UBND huyện Lương Tài				687.088	155.410		10.051	168.000	54.000	363.678		
103	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên huyện từ TL.281 - đê Hữu Đường	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	659/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 (đc bs)	158.507	74.510			25.000	5.000	58.997		
104	Hệ thống đường giao thông nội thị thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1468/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	55.742	18.500			20.000		17.242		
105	Đường TL284 đoạn Thứa - Văn Thái	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	50.000		10.029	35.000	9.000	112.396		
106	Cầu chợ Đò	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	540-18/4/2018	15.646	7.000			-	3.000	8.646		
107	Trụ sở UBND xã Bình Định	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	494-12/4/2018	14.964	5.000			-	3.000	9.964		
108	Cải tạo, chỉnh trang sông Thứa (Đoạn hồ Thứa đi TL.280)	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1908/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	37.297	400		22	13.000	10.000	23.897		
109	dự án DTXD đường D20 (đoạn từ TL.281 đi Phú Hòa)	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	370/QĐ - KHDT, DTG, ngày 29/10/2018	7.949	-		-	3.000	2.000	4.949		
110	Dự án DTXD đường vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung huyện Lương Tài (Tư TL.281, KM19+400 thôn Ngọc Thượng đi cầu Phương Đò)	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1907/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	147.308	-		-	60.000	10.000	87.308		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018		Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số:..../ QĐ..., ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019			Tổng số	Thiếu so với TMDĐT	
111	Cụm Mầm non tập trung số 2 xã Bình Định	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1755/QĐ-UBND, ngày 11/10/2018 (PDDA)	52.279			12.000	12.000	40.279		
	UBND huyện Quế Võ				783.023	97.820	15.326	133.000	79.000	498.849		
112	Đầu tư xây dựng nối đường trục chính đô thị từ xã Phương Mao sang khu CN Quế Võ 1	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	số 1360/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	54.513	25.000	365			29.148	Chuyển vốn đi 2019	
113	Đường nội thị khu trung tâm huyện Quế Võ, đoạn từ QL.18 đi xã Bằng An	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1113/QĐ-UBND ngày 14/9/2016	86.800	42.420	-			44.380	Chuyển vốn đi 2019	
114	Cải tạo, nâng cấp đường Nội Dơi - Cung Kiếm huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	944/QĐ-UBND ngày 05/8/2016	46.384	15.000	15.000			16.384		
115	Hỗ trợ đường trục huyện Quế Võ, đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, Quế Tân, Phù Lương (giai đoạn 3)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1576/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	9.596			2.000	4.000		Hỗ trợ	
116	Hỗ trợ cải tạo đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL. 18 đi thôn Do Nha, xã Phương Liễu	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1577/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	13.122			2.000	4.000		Hỗ trợ	
117	Đầu tư xây dựng đường trục chính đô thị (đoạn TL.279 nói trường THCS Nguyễn Cao và đường 36m) đi Quốc lộ 18, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	371/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 29/10/2018	8.558			3.000		5.558		
118	Đường trục chính đô thị từ Dự án đường QL.18 đi Bằng An (giai đoạn 1,2 đang đầu tư) nói TL.279 thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Quyết định số 792/QĐ-UBND, ngày 30/5/2018	50.668			31.249	5.000	19.419	chuyển vốn đến 15 tỷ	
119	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1101/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018	167.107			20.000	14.000	147.107		
120	Cải tạo, nâng cấp đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ TL. 279 qua thôn Đông Chuế đi bến đò Cung Kiếm)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1505/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	29.022	15.000		7.110	4.000			
121	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1942/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018 (PDDA)	95.139		600	20.000	10.000	75.139		
122	Trường mầm non xã Phương Mao, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1903/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	55.395	400	400	12.000	13.000	42.995		
123	Đường trục chính đô thị từ xã Phương Mao sang KCN Quế Võ 1 (giai đoạn 2)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1162/QĐ-UBND, ngày 16/7/2018 (QDDA)	22.104			13.000		9.104	chuyển vốn đến 8 tỷ	
124	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1919/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	69.762			15.000	12.000	54.762		
125	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL.18 đi xã Phù Lương	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1917/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	59.936			15.000	9.000	44.936	chuyển vốn đến 3 tỷ	
126	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường trục huyện Quế Võ (đoạn qua xã Việt Thông, từ UBND xã đến đường BTXM thôn Việt Hưng)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	372/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 29/10/2018	14.917			5.000	4.000	9.917		
	UBND huyện Thuận Thành				336.951	15.633	-	75.743	41.000	245.575		

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn trước đến hết năm 2018	Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../QĐ... ngày tháng năm	Ngày						Thiếu so với TMDT		
127	Trưng tu, tôn tạo Khu di tích chùa Dầu	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	698/QĐ-UBND ngày 20/6/2011; 1221/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	1221/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	79.756	15.633	-	10.000	20.000	54.123	Kiểm tra mặt bằng	
128	Đường giao thông từ QL.38 qua trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành đi QL.17	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1931/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	1931/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.926	-	-	35.000	20.000	113.926		
129	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đại Đồng Thành - Thanh Khương huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1803/QĐ - UBND, ngày 17/10/2018 (PDDA)	1803/QĐ - UBND, ngày 17/10/2018 (PDDA)	85.000	-	-	21.243	15.000	63.757		
130	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đường dẫn phía Nam cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành đi qua thôn Á Lữ đến Làng Kinh Dương Vương	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1750/QĐ - UBND, ngày 11/10/2018 (PDDA)	1750/QĐ - UBND, ngày 11/10/2018 (PDDA)	23.269	-	-	9.500	6.000	13.769		
				UBND huyện Tiên Du		1.109.360	198.476	6.460	178.600	51.000	732.284		
131	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 276 (Km6+492,82 đến Km 13+587,99)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	53/QĐ-UBND ngày 15/01/2016	53/QĐ-UBND ngày 15/01/2016	171.900	125.000	-	6.000	6.000	46.900		
132	Cải tạo, nâng cấp DT. 276 và đường nối từ 276 mới vào khu xử lý chất thải rắn huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1473/QĐ-UBND ngày 31.10.16	1473/QĐ-UBND ngày 31.10.16	122.307	47.976	5.960	28.000	10.000	46.331		
133	Đường Bách Môn - Lạc Vệ đoạn từ QL.38 đi An Đông	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1471/QĐ-UBND ngày 31.10.16	1471/QĐ-UBND ngày 31.10.16	62.672	25.000	-	10.000	5.000	27.672		
134	Hỗ trợ DTXD khu văn hóa, thể dục, thể thao và công viên cây xanh thôn Chì Hồ, xã Tân Chí, huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	2530/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018; 2531/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018; 2488/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	2530/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018; 2531/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018; 2488/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	40.000	-	-	4.600	15.000	35.400	Hỗ trợ	
135	Trường THCS trong diêm huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1975/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	1975/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	146.674	-	-	30.000	-	116.674	Vướng GPMB	
136	Đường du lịch Phát Tích kéo dài đi Cảnh Hưng (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1963/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	1963/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	29.131	-	-	10.000	-	19.131	Vướng GPMB	
137	Đường nhánh nối bộ trung tâm hành chính mới huyện Tiên Du (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1976/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	1976/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	58.697	-	-	18.000	-	40.697	Vướng GPMB	
138	Dự án DTXD đường từ TL.287 đi thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1922/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	1922/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	87.662	500	500	15.000	-	72.162	Vướng GPMB	
139	Dự án DTXD đường DT1 kéo dài (đoạn từ TL.276 đến đường Nội Duệ - Trí Phương), huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1921/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	1921/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	213.550	-	-	20.000	-	193.550	Vướng GPMB	

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bỏ trí và ứng trước đến hết năm 2018		Trong đó: năm 2018 kéo dài sang năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu	
				Số.../ QĐ..., ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Thiếu so với TMDT				Ghi chú	
140	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở Ban chỉ huy quân sự mới và làng đại học 1, huyện Tiên Du (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1977/QĐ - UBND, ngày 31/10/2018 (PDDA)	102.759	-	-	20.000			82.759	Vướng GPMB
141	Đường Đại Đồng - Cống Bạu (giai đoạn II, đoạn qua xã Hoàn Sơn)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1964/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	19.912	-	-	7.000	5.000		12.912	
142	Chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Lim chào mừng kỷ niệm 20 năm tái lập huyện Tiên Du (giai đoạn 1)	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1962/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	54.096	-	-	16.000	10.000		38.096	
143	UBND huyện Yên Phong Khu đến thờ Lý Thường Kiệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	1266,29/10/2015	495.401 254.330	39.298 16.429	131	90.000 10.000	30.000 10.000		366.103 227.901	
144	Xây dựng hội trường trung tâm huyện Yên Phong	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	1540/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	119.393	22.869	131	50.000	10.000		46.524	
145	Khu nhà làm việc liên cơ quan huyện Yên Phong	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	QĐ phê duyệt dự án số 945/QĐ-UBND, ngày 15/6/2018	121.678			30.000	10.000		91.678	
146	UBND TP Bắc Ninh Núi giao thông phía Tây Nam, TP. Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1339/QĐ - UBND, ngày 27/10/2016	909.147 166.148	173.241 52.141	26.283	163.350 -	74.000 10.000		572.556 114.007	
147	Nút giao thông phía Tây Nam (giai đoạn 2), thành phố Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	412/QĐ - UBND, ngày 04/4/2018	250.565	50.600	600	50.000	15.000		149.965	
148	Đường vào khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ vườn đời sinh thái phường Văn Dương, TP Bắc Ninh giai đoạn 2	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	940/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	75.000	10.000		5.000	10.000		60.000	
149	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường THCS Thị Cầu, TP Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1936/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018 (PDDA)	99.979	30.000	24.627	25.000	10.000		44.979	
150	Mở rộng đường Lý Anh Tông kết nối với nút giao Tây Nam Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	739/QĐ-UBND ngày 29/3/2018; 527/QĐ, 27/4/2018	134.047	30.000	556	-	10.000		104.047	
151	Dự án đầu tư xây dựng công viên hữu nghị quốc tế tỉnh Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1970/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	53.409	500	500	27.300	10.000		25.609	
152	Dự án DTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1971/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	129.999			56.050	9.000		73.949	
153	UBND TX Từ Sơn (Ban QLDA) Bảo tàng, thư viện thị xã Từ Sơn	TS	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	1282/QĐ-UBND ngày 1/8/2018	288.984 149.639	-	-	73.000 35.000	48.000 25.000		215.984 114.639	
154	Dự án đường Lý Tự Trọng (đoạn tuyến từ TL295B đến đường Nguyễn Phi Ý Lan), thị xã Từ Sơn	TS	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	1967/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018 (PDDA)	55.070			15.000	8.000		40.070	

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư (hoặc QĐ điều chỉnh lần gần nhất)/QĐ phê duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018		Kế hoạch vốn năm 2019	Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	Nhu cầu vốn còn thiếu		Ghi chú
				Số.../QĐ., ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng số	Trong đó: năm 2018 Kéo dài sang năm 2019			Tổng số	Thiếu so với TMDT	
155	Cải tạo, nâng cấp DT 277 đoạn từ Phú Đồng đến QL1A (địa phận xã Phú Chân, thị xã Từ Sơn)	TS	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	1968/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018	84.275			23.000	15.000	61.275		

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020
(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 115/BC - UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án		Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kế hoạch 2020	Ghi chú
				Số.../QĐ... ngày tháng năm	Giá trị	Số.../QĐ... ngày tháng năm	Giá trị				
TỔNG CỘNG											
Các dự án phê duyệt dự án											
1	Nhà điều hành và học thực hành Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	Tỉnh	Ban Dân dụng và công nghiệp	Phụ lục 17 - Nghị quyết 131/NQ - UBND ngày 03/10/2018	63.770	1948/QĐ - UBND ngày 29/10/2018 (PDDA)	60.986	B	2018-2022	12.000	
2	Cải tạo, sửa chữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	tỉnh	Ban Dân dụng và công nghiệp	730/QĐ - UBND ngày 30/10/2019 (CTDT)	33.900	1784/QĐ - UBND ngày 31/10/2019 (PDDA)	33.900	C		8.000	
3	ĐTXD Nhà Iớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	TS	Ban Dân dụng và công nghiệp	211/NQ - UBND ngày 29/10/2019 (CTDT)	55.000	1785/QĐ - UBND ngày 31/10/2019 (PDDA)	55.000	C		10.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	YP	Ban Dân dụng và công nghiệp	Phụ lục 23 - Nghị quyết 201/NQ - UBND ngày 11/7/2019	42.937	1749/QĐ - UBND ngày 30/10/2019 (PDDA)	42.937	C	2019-2021	10.000	
5	Kè Việt Thống đoạn từ K64+900 - K66+500	QV	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1402/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 (CTDT)	59.700	1736/QĐ - UBND ngày 30/10/2019 (PDDA)	59.581	C	2019 - 2021	14.000	
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp hồ chứa phục vụ sản xuất nông nghiệp thôn Kim Đồi, xã Kim Chân, thành phố Bắc Ninh	TP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	2285/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 (CTDT)	14.900	381/QĐ-KHĐT.K.TN, ngày 30/10/2019 (PDDA)	13.959	C	2019-2020	5.000	
7	Cải tạo, kiến cổ hoá hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	TT	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1822/QĐ - UBND, ngày 18/10/2018	59.662	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018 (PDDA)	59.558	C	2019-2021	14.000	
8	Xử lý sắt trước bãi sông đoạn từ K44+300 - K44+800, đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	YP	Ban QLDA ĐTXD Các công trình NN&PTNT	1104/QĐ-UBND ngày 24/7/19 (CTDT)	19.854	1735/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	19.601	C		5.000	
9	Đầu tư xây dựng cầu Nét (Ỡ trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong - Từ sơn	Tỉnh	Ban QLDA Giao thông	Phụ lục 2 - Nghị quyết 131/NQ - UBND ngày 03/10/2018	120.000	1895/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	119.787	B	2018-2022	20.000	
10	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở Báo Bắc Ninh	Tỉnh	Báo Bắc Ninh	684/QĐ - UBND, ngày 24/10/2019 (CTDT)	14.800	436/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019 (PDDA)	14.800	C	2020 - 2021	3.500	
11	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	705/QĐ - UBND, ngày 29/10/2019 (CTDT)	14.500	429/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019 (PDDA)	14.500	C	2020 - 2021	3.500	
12	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Bằng An, huyện Quế Võ	QV	Công an tỉnh	499/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 (CTDT)	7.282	348/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	7.282	C		2.500	
13	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Minh Đạo, huyện Tiên Du	TD	Công an tỉnh	494/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 (CTDT)	7.286	351/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	7.286	C		2.500	
14	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong	YP	Công an tỉnh	497/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 (CTDT)	7.998	353/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	7.998	C		2.500	
15	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	LT	Công an tỉnh	586/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 (CTDT)	7.307	355/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	7.307	C		2.500	
16	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	TT	Công an tỉnh	590/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 (CTDT)	6.375	358/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	6.375	C		2.500	
17	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	GB	Công an tỉnh	588/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 (CTDT)	7.927	361/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019 (PDDA)	7.927	C		2.500	
18	Cung hòa kênh Bắc Kênh Vàng từ K4+570m đến đường 282	LT		1475/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 (CTDT)	14.766	366/QĐ-KHĐT.K.TN, ngày 29/10/2019 (PDDA)	13.688	C		4.000	
19	Cải tạo trụ sở làm việc và Khuôn viên Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Liên minh HTX tỉnh Bắc Ninh	1909/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (CTDT)	5.833	365/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	5.234	C	2020 - 2021	2.000	

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án		Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kế hoạch 2020	Ghi chú
				Số:./ QĐ..., ngày tháng năm	Giá trị	Số:./ QĐ..., ngày tháng năm	Giá trị				
20	Đầu tư xây dựng Trường THPT Lý Nhân Tông	TP	Sở Giáo dục đào tạo	608/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 (CTĐT)	13.997	396/QĐ - KHĐT ngày 30/10/2019 (PDDA)	13.997	c		3.500	
21	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Lương Tài 2	LT	Sở Giáo dục đào tạo	607/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 (CTĐT)	11.995	394/QĐ - KHĐT ngày 30/10/2019 (PDDA)	11.995	c		3.500	
22	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Tiến Du số 1	TD	Sở Giáo dục đào tạo	609/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 (CTĐT)	7.999	388/QĐ - KHĐT ngày 30/10/2019 (PDDA)	7.999	c		3.000	
23	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh	Sở Giáo dục đào tạo	682/QĐ - UBND, ngày 24/10/2019 (CTĐT)	13.994	384/QĐ - KHĐT, ngày 30/10/2019 (PDDA)	13.994	c	2020 - 2022	3.500	
24	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 5 tầng trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	Tỉnh	Sở Giáo dục đào tạo	673/QĐ - UBND, ngày 22/10/2019 (CTĐT)	11.000	385/QĐ - KHĐT, ngày 30/10/2019 (PDDA)	11.000	c	2020 - 2022	3.000	
25	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh	Sở Khoa học công nghệ	728/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (CTĐT)	14.300	427/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019	14.300	c	2020 - 2022	4.000	
26	Dự án Xây dựng công trình trụ sở các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ	QV	Sở Tài nguyên và môi trường	529/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 (CTĐT)	14.999	383/QĐ-KHĐT.KTN ngày 30/10/2019 (PDDA)	14.999	c		4.000	
27	Nhà chứa quan họ khu Bỏ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	TP	Sở VHHTDL	560/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 (CTĐT)	9.955	419/QĐ - KHĐT, ngày 30/10/2019 (PDDA)	8.783	c		2.500	
28	Nhà chứa quan họ làng Tam Sơn, thị xã Từ Sơn	TS	Sở VHHTDL	559/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 (CTĐT)	9.209	420/QĐ - KHĐT, ngày 30/10/2019 (PDDA)	7.577	c		2.500	
29	Đầu tư xây dựng đền thờ Hàn Thuyên, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài. Hàng mục: Nhà tá vu, hữu vu, nội thất đền	LT	Sở VHHTDL	731/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (CTĐT)	12.000	437a/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019 (PDDA)	12.000	c		3.000	
30	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	TT	Sở VHHTDL	553/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 (CTĐT)	29.999	1741/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	29.980	c		7.000	
31	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Y tế	Tỉnh	Sở Y tế	706/QĐ - UBND, ngày 29/10/2019 (CTĐT)	13.500	428/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019 (PDDA)	13.500	c	2020 - 2021	3.500	
32	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang xử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	TT	Trung tâm NS&VSMNT	2145/QĐ - UBND, ngày 20/11/2018 (CTĐT)	52.812	1720/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	39.445	C	2019-2021	10.000	
33	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống mạng đường ống cấp nước tập trung cụm xã Thụy Hòa, Dũng Liệt, huyện Yên Phong	YP	Trung tâm NS&VSMNT	10/QĐ - UBND, ngày 07/01/2019	19.490	932/QĐ - UBND, ngày 24/6/2019	19.248	C	2019	5.000	
34	Cải tạo sửa chữa Trung tâm văn hóa kinh Bắc	Tỉnh	Trung tâm VHKB	606/QĐ - UBND, ngày 27/9/2019 (CTĐT)	7.783	435/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019	7.783	c	2020 - 2022	2.000	
35	Dự án ĐTXD đường liên xã Đại Lai đi Nhân Thắng (đoạn từ TL.285 đi thôn Áp Lai, xã Đại Lai, thôn Hương Triện, xã Nhân Thắng)	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	567/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 (CTĐT)	40.000	1273/QĐ - UBND, ngày 27/8/2019	36.366	C	2019-2021	10.000	
36	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật chống ngập úng thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	561/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 (CTĐT)	39.851	1726/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	38.110	c		10.000	
37	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Gia Bình và thị trấn Nhân Thắng, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	471/QĐ - UBND, ngày 16/8/2019 (CTĐT)	59.178	1615/QĐ - UBND, ngày 16/10/2019 (PDDA)	38.872	c	2019 - 2021	10.000	
38	Dự án ĐTXD đường giao thông từ đường dẫn cầu Bình Than đi xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	668/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019 (CTĐT)	52.210	1792/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	42.589	c	2020 - 2022	10.000	
39	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quỳnh Phú đi Đại Bái (đoạn từ trạm bơm Quỳnh bội xã Quỳnh phú đi Đoàn Bái xã Đại Bái)	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1946/QĐ - UBND, ngày 29/10/2018	17.979	2445/QĐ - UBND, ngày 28/12/2018	16.913	C	2018 - 2021	4.000	

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án		Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kế hoạch 2020	Chi chủ
				Số.../QĐ... ngày tháng năm	Giá trị	Số.../QB... ngày tháng năm	Giá trị				
40	ĐTXD bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Chi Viên, xã Đại Lai, huyện Gia Bình	GB	Sở VH-TTDL	211/NQ-HĐND, ngày 29/10/2019 (CTĐT)	195.000	1775/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	195.000	b	2018-2022	18.000	Phân bổ 1 tỷ vốn chuẩn bị đầu tư Cân đối nguồn vốn KCM năm 2020
41	Dự án đầu tư xây dựng đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng kéo dài đi TL.285 mới và tuyến nhánh	GB	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 1 - Nghị quyết 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	119.982	1888/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	119.982	B	2018-2022	18.000	
42	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp TL.280 (đoạn từ thị trấn Thụá đi QL.38), huyện Lương Tài	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	Phụ lục 12 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019	115.457	1727/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	114.334	b	2020-2024	15.000	
43	Dự án ĐTXD trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Lương Tài	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	Phụ lục 22 - Nghị quyết 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	180.000	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	B	2019-2021	30.000	Dự án Khởi công mới năm 2019 chào mừng đại hội Đảng
44	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thụá, huyện Lương Tài	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1189/QĐ-UBND, ngày 08/8/2019 (CTĐT)	49.575	1748/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	45.058	c	2019 - 2021	10.000	
45	Cải tạo nâng cấp đường huyện DH11 (đoạn từ cầu Táo Đồi đi TL.284 mới), huyện Lương Tài	LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	649/QĐ-UBND, ngày 14/10/2019 (CTĐT)	59.052	1732/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	58.067	c	2020 - 2022	11.500	
46	Dự án ĐTXD huyện đường từ QL.18 đi làng nghề xã Phú Lăng, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Phụ lục 14 - Nghị quyết 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	72.696	1918/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	72.645	C	2018-2020	15.000	
47	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Phụ lục 15 - Nghị quyết 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	102.533	1926/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	102.486	B	2018-2020	15.000	
48	ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ QL.18 đến chân đê thôn Châu Cầu, xã Châu Phong)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	596/QĐ-UBND ngày 18/04/2019 (CTĐT)	12.500	364/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	12.500	C	2019-2021	4.000	
49	Đường trục huyện Quế Võ (Đoạn QL18 đi trung tâm xã Đào Viên)	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1916/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	14.924	393/QĐ-KHĐT, ngày 30/10/2018	14.924	C	2018 - 2020	4.000	
50	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường xã Chi Lăng, huyện Quế Võ	QV	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	698/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019 (CTĐT)	32.912	1779/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	32.912	c	2020 - 2022	7.000	
51	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.38 đi DT.276 thuộc địa phận xã Trạn Lý - xã Gia Đông - xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 17 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019	101.297	1806/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	86.234	b	2020-2024	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
52	ĐTXD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	645/QĐ-UBND, ngày 15/10/2019 (CTĐT)	52.188	1751/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	46.834	c	2020 - 2022	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
53	Dự án ĐTXD hệ thống đường trục xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1144/QĐ-UBND, ngày 31/7/2019 (CTĐT)	55.000	1643/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019 (PDDA)	54.596	c	2019 - 2021	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
54	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đê Bình Ngô, xã An Bình, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	211/NQ-HĐND, ngày 29/10/2019 (CTĐT)	121.847	1790/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	121.847	b	2020-2024	8.000	Ngân sách huyện bổ sung
55	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trạn Lý, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 18 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019	83.027	1810/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	81.073	b	2020-2024	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
56	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ DT.276 đi DT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 15 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019	83.287	1504/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 (PDDA)	81.928	b	2020-2024	5.000	Ngân sách huyện bổ sung

TT	Tên công trình, dự án	Địa bàn	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án		Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kế hoạch 2020	Ghi chú
				Số:../QB... ngày tháng năm	Giá trị	Số:../QB... ngày tháng năm	Giá trị				
57	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Ngoc Khảm, xã Gia Đông đi Trung tâm thể thao huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 13 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	74.812	1812/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	73.673	c	2020-2022	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
58	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Khu công nghiệp Khai Sơn đi đường tránh QL.17, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	65.500	1811/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	60.077	c	2020-2024	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
59	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ QL.38 qua nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành đi QL.17, huyện Thuận Thành	TT	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 14 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	87.864	1819/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	77.379	b	2020-2024	5.000	Ngân sách huyện bổ sung
60	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Phụ lục 07 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	89.934	1744/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	85.542	b	2019-2023	15.000	
61	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Phụ lục 06 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	100.000	1788/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	100.000	b	2019-2023	18.000	
62	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đề tá Đường (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	TD	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Phụ lục 04 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	75.435	1745/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	74.959	c	2019-2022	18.000	
63	ĐT XD cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ngã tư Nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Môn đi Đông Anh	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	669/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019 (CTDT)	32.861	1777/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	32.861	c	2020 - 2022	8.000	
64	Trường mầm non khu nhà ở Đồng Riệt thôn Phú Mẫn, thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	690/QĐ - UBND, ngày 25/10/2019	27.000	1776/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	27.000	c	2019 - 2022	8.000	
65	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đề sông Cầu, xã Dũng Liệt đi Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	YP	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	Phụ lục 08 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	76.450	1804/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019 (PDDA)	76.450	c	2020-2022	18.000	
66	Dự án ĐT XD đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ TL.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	TS	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	454/QĐ-UBND, ngày 12/8/2019 (CTDT)	54.000	1608/QĐ - UBND, ngày 15/10/2019 (PDDA)	49.278	c	2019 - 2021	15.000	
67	Dự án khu lưu niệm gắn với công viên đồng chí Lê Quang Đạo	TS	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	Phụ lục 21 - Nghị quyết 201/NQ - HDND, ngày 11/7/2019	96.000	1743/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019 (PDDA)	95.496	b	2019-2021	18.000	
68	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (DA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	Phụ lục 10 - Nghị quyết 131/NQ - HDND ngày 03/10/2018	109.798	1969/QĐ - UBND, ngày 30/10/2018	107.798	B	2019-2022	20.000	Dự án khởi công mới năm 2019 chào mừng đại hội Đảng
69	Mở rộng lòng đường, vỉa hè QL.38 đoạn từ cầu vượt Bồ Sơn đến Nhà máy chế biến thực phẩm chăn nuôi Dabaco thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	TP	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1697/QĐ - UBND, ngày 03/10/2018	19.993	1882/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	19.463	C	2018-2020	4.500	

PHỤ LỤC
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ TỪ NSTW
 (Phụ lục kèm theo Báo cáo số 115/BC - UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư (điều chỉnh lần gần nhất)		Lũy kế vốn đã bố trí và ứng trước đến hết năm 2018						Kế hoạch vốn phân bổ và ứng trước trong năm 2019				Nhu cầu vốn còn thiếu		Phương án phân bổ kế hoạch năm 2020	
				TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Đãi ứng của địa phương	Trong đó		Tổng số	NSTW	NSTW	NSDP	
				Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		NSTW	NSDP đối ứng		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW								
1	Tổng số	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	21	22						
	Dự án sử dụng NSTW hỗ trợ mục tiêu			1.695.777	816.264	508.150	286.690	221.460	292.906	170.000	122.906	894.721	359.574	143.507	83.507	80.000			
1	Dự án xây dựng Kho lưu trữ tỉnh Bắc Ninh	Sở Nội vụ	784/QĐ-TTg, 24/2/2010 1350/QĐ-UBND, 27/10/2016 1930/QĐ/UBND ngày 18/12/2017	1.035.778	421.268	355.150	143.690	211.460	175.000	70.000	105.000	505.628	207.578	143.507	83.507	60.000			
2	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 ÷ QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA Giao thông	1136/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 1927/QĐ-UBND, 18/12/2017	89.556	34.666	20.000	10.000	10.000	35.000	10.000	25.000	34.556	14.666	29.666	14.666	15.000			
4	Dự án đầu tư công trình nạo vét kênh tiêu Hiền Lương, huyện Quế Võ	Ban QLDA Nông nghiệp	925/QĐ-UBND, ngày 29/7/2016; 1945/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 1284/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 1929/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	258.388	99.602	31.900	15.000	16.900	50.000	20.000	30.000	176.488	64.602	38.841	23.841	15.000			
5	ĐT 276 Chờ - Thị trấn Lim	Ban QLDA Giao thông		391.472	185.000	262.650	103.690	158.960	50.000	20.000	30.000	78.822	61.310	30.000	20.000	10.000			
	Dự án sử dụng Tài chính phí			659.999	394.996	153.000	143.000	10.000	117.906	100.000	17.906	389.093	151.996	-	-	20.000			
	Dự án ĐTXD Trạm bơm Trị Phương II	Ban QLDA Nông nghiệp	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	659.999	394.996	153.000	143.000	10.000	117.906	100.000	17.906	389.093	151.996			20.000			

